

Bản án số: 260/2024/DS - ST.  
Ngày: 03/6/2024.  
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Chủ tọa phiên tòa – Thẩm phán: Ông Đặng Đình Tiến.

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Minh Thanh.

2. Ông Võ Thành Viên.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phan Hoàng Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa:**

Bà Nguyễn Thị Cẩm Thu – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 608/2023/TLST-DS, ngày 30/10/2023 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 134/2024/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 129/2024/QĐST-DS, ngày 06 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Công ty X.

Trụ sở chính: Đường CMT8, phường BT, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật có ông A.

Đại diện theo ủy quyền bà N.T.T.D, sinh năm 2000.

(Văn bản ủy quyền số 521/2023/UQ-POA ngày 16/10/2023)

(Bà D có đơn xin vắng mặt).

**Bị đơn:** Ông T.V.H, sinh năm: 1961.

Địa chỉ: Số bb đường Y, Phường Z, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Ông H vắng mặt không lý do).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện đề ngày 05/06/2023, nguyên đơn Công ty X và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là bà N.T.T.D trình bày:

Ngày 16/5/2011, ông T.V.H và Công ty X, có ký kết Hợp đồng tín dụng cá nhân số 10314746 (sau đây gọi tắt là Hợp đồng). Thông tin chi tiết của khoản vay như sau:

- Số tiền cho vay: 25.000.000 đồng.
- Mục đích vay: Vay tiêu dùng.
- Ngày rút vốn: 16/5/2011.
- Thời hạn vay: 36 tháng.
- Lãi suất: 3.13%/tháng.
- Lãi phạt: Bằng 150% của lãi suất.
- Nợ gốc và nợ lãi được trả thành: 36 kỳ.
- Phương thức vay: tín chấp, không có tài sản bảo đảm.

Ngày 09/9/2022, CÔNG TY X ký kết Hợp đồng mua bán nợ số 395-0922/COLLECTION-CÔNG TY X với Công ty X. Theo thỏa thuận, CÔNG TY X đã chuyển nhượng cho Công ty X nhiều hợp đồng tín dụng cùng khoản nợ tương ứng, trong đó bao gồm Hợp đồng tín dụng số 10314746 của ông H. Sau khi hợp đồng mua bán nợ được ký kết, công ty có toàn quyền thu hồi khoản nợ theo quy định của pháp luật. Tính đến thời điểm chuyển nhượng, dư nợ còn lại của ông H như sau:

- Nợ gốc quá hạn: 15.376.500 đồng;
- Nợ lãi quá hạn: 4.635.300 đồng;
- Lãi phạt chậm thanh toán: 96.879.396 đồng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng nêu trên, ông H đã thanh toán 21.171.000 đồng (trong đó: Nợ gốc là 9.623.500 đồng; Nợ lãi là 11.547.500 đồng). Tính đến ngày 01/11/2012 thì ông H ngừng thanh toán. Vì vậy, từ ngày 01/12/2012 toàn bộ dư nợ gốc chuyển sang dư nợ quá hạn. Sau khi khoản nợ của ông H được chuyển nhượng sang Công ty X, mặc dù đã thông báo, đôn đốc, yêu cầu ông H trả nợ đầy đủ, đúng hạn theo cam kết đã ký tại Hợp đồng, nhưng đến thời điểm hiện nay ông H thể hiện việc thiếu hợp tác trong quá trình làm việc, chậm trả nợ và trì hoãn việc thực hiện các nghĩa vụ.

Ngày 09/5/2024, công ty đã có đơn đề nghị rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể là rút yêu cầu đối với Lãi phạt chậm thanh toán là 96.879.396 đồng và phần Chi phí khởi kiện.

Tính đến ngày 03/6/2024 tổng số tiền ông H còn nợ là: 23.558.336 đồng trong đó:

- Nợ gốc quá hạn: 15.376.500 đồng.

- Nợ lãi trong hạn: 8.181.836 đồng.

= Nợ gốc quá hạn x lãi suất cho vay x thời gian từ ngày vi phạm đến ngày hết hạn hợp đồng (01/12/2012 – 01/5/2014)

= 15.376.500đ x 3.13% x 17 kỳ = 8.181.836 đồng.

Để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, Công ty X kính đề nghị Quý Tòa giải quyết, tuyên buộc: Bị đơn ông H phải thanh toán một lần toàn bộ nợ gốc và lãi cho công ty với tổng số tiền là: 23.558.336 đồng

Bị đơn ông T.V.H, theo kết quả trả lời xác minh của công an Phường Z, quận Gò Vấp có nội dung:

- Ông T.V.H không thực tế cư ngụ tại số Số bb đường Y, Phường Z, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo thông tin do con trai ông H cung cấp, ông Hiên đang tạm trú tại địa chỉ số Số ab đường Y, Phường Z, quận Gò Vấp.

- Theo kết quả xác minh của công an Phường Z, quận Gò Vấp tại địa chỉ số Số ab đường Y, Phường Z, quận Gò Vấp ông H không thực tế cư ngụ, đăng ký tạm trú, thường trú tại địa chỉ trên.

Do đó, Tòa án xác định địa chỉ số bb đường Y, Phường Z, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh là nơi cư trú cuối cùng của ông H, ông H chuyển đi nhưng không cung cấp địa chỉ nơi chuyển đến thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ cư trú, do đó Tòa án niêm yết Giấy triệu tập ông H tại địa chỉ nêu trên, để ông H đến Tòa án ghi lời khai, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp:*

- Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng các Điều 70 và 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn ông T.V.H phải có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ cho Công ty một lần toàn bộ nợ gốc và lãi là 23.558.336 đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

*Về thẩm quyền giải quyết vụ án:*

Công ty X khởi kiện ông T.V.H về hợp đồng tín dụng. Nơi cư trú cuối cùng của ông H tại quận Gò Vấp. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

*Về người tham gia tố tụng:*

Ông H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông H là đúng với thủ tục được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] *Xét yêu cầu của đương sự:*

Căn cứ lời trình bày của đại diện nguyên đơn: “Phiếu đề nghị vay tiêu dùng ngày 09/5/2011 và hợp đồng tín dụng cá nhân ngày 16/5/2011” giữa ông H và Công ty X có trong hồ sơ vụ án đã thể hiện từ ngày 16/5/2011 ông H có sử dụng thẻ tín dụng của CÔNG TY X để thanh toán.

Ngày 09/9/2022, CÔNG TY X ký kết Hợp đồng mua bán nợ số 395-0922/Collection-CÔNG TY X với Công ty X.

Xét về hình thức và nội dung của Phiếu đề nghị vay tiền và Hợp đồng mua bán nợ, Hội đồng xét xử nhận thấy cả hai đều được lập bằng văn bản, các bên tham gia giao kết hoàn toàn tự nguyện, nội dung của giao dịch không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Tuy nhiên, ông H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, cụ thể ngày 01/12/2012 đã không thanh toán số tiền gốc và lãi phải trả. Như vậy, ông H đã vi phạm nghĩa vụ trong hợp đồng. Do đó, Công ty X khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông H phải có trách nhiệm thanh toán cho Công ty X tiền gốc và tiền lãi là có cơ sở, phù hợp với thỏa thuận trong hợp đồng, phù hợp với quy định tại các Điều 280, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của nguyên đơn về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn gồm: Lãi phạt chậm thanh toán và phần yêu cầu thanh toán chi phí khởi kiện.

Chấp nhận toàn bộ đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp.

[3] *Về án phí dân sự sơ thẩm:*

Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Nguyên đơn không phải chịu án phí, được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; điểm e khoản 1 Điều 192; khoản 1 Điều 217, Điều 218, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 280, khoản 1 Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 và 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã sửa đổi, bổ sung năm 2014;

*1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty X đối với ông T.V.H:*

Buộc ông T.V.H phải trả cho Công ty X số tiền 23.558.336 (Hai mươi ba triệu năm trăm năm mươi tám ngàn ba trăm ba mươi sáu) đồng ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Thi hành tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

*2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty X đối với yêu cầu ông H thanh toán lãi phạt chậm thanh toán là 96.879.396 đồng và yêu cầu thanh toán chi phí khởi kiện là 5.323.000 đồng*

*3. Về án phí:*

Ông T.V.H phải chịu 1.177.917 (Một triệu một trăm bảy mươi bảy ngàn chín trăm mười bảy) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả Công ty X số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.055.355 (Ba triệu không trăm năm mươi lăm ngàn ba trăm năm mươi lăm đồng) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0012671 ngày 30/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

*4. Quyên yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án:*

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

*5. Về quyền kháng cáo:*

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án

được niêm yết.

***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; (01)
- Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp; (01)
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp; (01)
- Các đương sự; (02)
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ. (5)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đặng Đình Tiến**